

PHỤ LỤC II

MẪU CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo quy định thực hiện công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN và báo cáo UBCKNN)

CÔNG TY CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

PROCIMEX VIỆT NAM

Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Cổ phần Procimex Việt Nam

Trụ sở chính: Lô C1 Khu công nghiệp dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng

Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0511 3923 568-0511 3923 871

Fax: 0511 3923 758

Người thực hiện thông báo thông tin: Dư Đức Tuấn

Địa chỉ: 90 Nguyễn Lâm, Tổ 7C, P.Thọ Quang, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng

Điện thoại: 0914 369 086

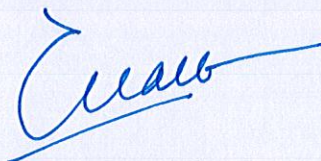
Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Kết quả, số liệu Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán .

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đà Nẵng, Ngày 30 tháng 03 năm 2016

Người thực hiện công bố thông tin



Dư Đức Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Dà Nẵng - Tháng 03 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Kinh doanh Chế biến Hàng xuất khẩu Đà Nẵng.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0400100506 được đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11 tháng 06 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng

Trụ sở chính của Công ty: Lô C1, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Mạnh Thường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Luân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Ủy viên
Ông Đinh Hiền	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Trung	Ủy viên

Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này là gồm:

Ông Nguyễn Hữu Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Dư Đức Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2015)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Nguyễn Hữu Dũng

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Số: 300/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như đã nêu tại Thuyết minh số 5.3, theo Bản án phúc thẩm của Tòa án Nhân dân Thành phố Đà Nẵng thì Bà Bùi Thị Hòa (nguyên kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam) và những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất tài sản của ông Nguyễn Diễm (Nguyên Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam đã qua đời) bao gồm bà Đoàn Thị Hoa, ông Nguyễn Duy Tuấn, bà Nguyễn Thị Hoài Linh phải liên đới bồi thường cho Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam số tiền đã biến thủ là 25.360.000.000 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản phải thu này tính đến thời điểm 31/12/2015 là 6.800.000.000 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định được số tiền có khả năng thu hồi nên không thể xác định được số dự phòng cần trích lập cho khoản phải thu này. Trong trường hợp không thu hồi được hoặc chỉ thu hồi được một phần thì kết quả kinh doanh và lợi nhuận chưa phân phối sẽ giảm đi với số tiền tương ứng.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ mà Công ty đã góp 25% vốn điều lệ tương ứng với số tiền 2.000.000.000 đồng. Số trích lập dự phòng đầu tư tài chính của Công ty liên quan đến khoản góp vốn này Công ty đang căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá số 99/CTTĐG-CNHUE ngày 22 tháng 01 năm 2016. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về khoản mục này và ảnh hưởng của nó tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Trong năm 2014, Công ty chưa hạch toán tiền phạt chậm nộp tiền thuê đất còn thiếu là 915.505.445 đồng do Công ty đang làm việc với Đơn vị Quản lý Khu Công nghiệp để xin miễn giảm số tiền này. Nếu thực hiện điều chỉnh thì kết quả kinh doanh trước thuế năm 2014 và lợi nhuận chưa phân phối tại 31/12/2014 sẽ giảm đi với số tiền là 915.505.445 đồng. Năm 2015, Công ty đã ghi nhận khoản tiền này và thanh toán cho Ban quản lý khu công nghiệp. Kiểm toán viên năm nay đã xem xét và đánh giá các vấn đề này và thấy rằng không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm hiện tại.



Phan Huy Thăng
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN số: 0147-2015-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN số: 2326-2015-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.947.348.958	12.563.561.509
(100 = 110+120+130+140+150)				
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.134.269.145	644.548.359
1. Tiền	111		8.134.269.145	644.548.359
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.591.199.376	5.525.986.181
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	13.466.362.403	5.116.361.261
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		60.020.000	220.000.700
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.085.667.240	1.148.559.310
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(1.020.850.267)	(958.935.090)
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	218.299.783	5.981.998.761
1. Hàng tồn kho	141		218.850.243	6.906.627.134
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(550.460)	(924.628.373)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		3.580.654	411.028.208
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	3.580.654	18.719.844
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	391.416.540
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	891.824
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.782.658.825	35.221.479.769
(200 = 210+220+230+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210		18.560.000.000	18.560.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	25.360.000.000	25.360.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.4	(6.800.000.000)	(6.800.000.000)
II Tài sản cố định	220		4.424.749.116	13.566.852.864
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	4.409.249.116	13.277.609.477
- Nguyên giá	222		7.445.963.686	26.523.160.889
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.036.714.570)	(13.245.551.412)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	15.500.000	289.243.387
- Nguyên giá	228		71.000.000	2.908.262.814
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(55.500.000)	(2.619.019.427)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	859.400.000	2.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.000.000.000	2.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.140.600.000)	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		938.509.709	1.094.626.905
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	938.509.709	1.094.626.905
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		46.730.007.783	47.785.041.278
(270 = 100+200)				

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		4.211.569.264	8.063.019.734
I- Nợ ngắn hạn	310		4.211.569.264	8.063.019.734
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.590.000	75.200.905
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	299.291.818
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	1.879.044.865	1.027.099.883
4. Phải trả người lao động	314		1.619.023.308	1.501.005.166
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	409.043.472	1.817.837.551
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	263.674.398	2.169.835.635
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	940.500.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		38.193.221	232.248.776
II- Nợ dài hạn	330		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		42.518.438.519	39.722.021.544
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	42.518.438.519	39.722.021.544
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.826.797.055	6.826.797.055
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.691.641.464	2.895.224.489
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		2.895.224.489	58.000
- LNST chưa phân phối kì này	421b		2.796.416.975	2.895.166.489
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		46.730.007.783	47.785.041.278

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thúy Nga

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		43.705.577.559	59.633.808.639
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	43.705.577.559	59.633.808.639
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	29.166.173.585	49.389.158.426
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		14.539.403.974	10.244.650.213
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	220.358.133	154.936.708
7. Chi phí tài chính	22	5.17	1.160.979.823	443.207.441
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.632.107</i>	<i>313.666.307</i>
8. Chi phí bán hàng	24	5.18	1.669.666.337	1.890.015.905
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.19	8.838.098.676	5.537.982.445
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		3.091.017.271	2.528.381.130
11. Thu nhập khác	31	5.20	2.861.821.097	1.598.822.631
12. Chi phí khác	32	5.20	1.940.378.080	377.559.955
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		921.443.017	1.221.262.676
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		4.012.460.288	3.749.643.806
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	1.216.043.313	854.477.317
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.796.416.975	2.895.166.489
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	932	965

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thúy Nga

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.012.460.288	3.749.643.806
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	1.568.992.363	1.755.861.947
- Các khoản dự phòng	03	278.437.264	(1.577.006.849)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(181.860.931)	(66.715.944)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.062.219.904)	(5.843.863)
- Chi phí lãi vay	06	5.632.107	313.666.307
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	3.621.441.187	4.169.605.404
- Biến động các khoản phải thu	09	1.918.937.390	(4.427.052.309)
- Biến động hàng tồn kho	10	6.687.776.891	6.656.972.780
- Biến động các khoản phải trả	11	(2.754.863.368)	(121.438.046)
- Biến động chi phí trả trước	12	171.256.386	(377.600.992)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.632.107)	(313.666.307)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.178.074.860)	(663.584.571)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(194.055.555)	(142.891.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.266.785.964	4.780.344.334
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(1.809.399.036)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.468.586	5.843.863
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	15.468.586	(1.803.555.173)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	33.578.502.180
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(940.500.000)	(36.547.456.370)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.460.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(940.500.000)	(4.428.954.190)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	7.341.754.550	(1.452.165.029)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	644.548.359	2.112.015.208
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	147.966.236	(15.301.820)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	8.134.269.145	644.548.359

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thúy Nga

Nguyễn Thị Thúy Nga

Nguyễn Hữu Dũng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Kinh doanh Chế biến Hàng xuất khẩu Đà Nẵng.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0400100506 được đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11 tháng 06 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng

Trụ sở chính của Công ty: Lô C1, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn hàng thủy sản, súc sản, nông sản;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy ngư nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo nghề ngắn hạn;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất hàng nông sản. Kinh doanh phương tiện vận tải và hàng tiêu dùng. Dịch vụ gia công chế biến các sản phẩm thủy sản, súc sản, gia cầm, nông sản. Dịch vụ cấp đông và bảo quản lạnh các sản phẩm đông lạnh;

Hoạt động chính trong năm 2015 là Chế biến, bảo quản thủy sản và dịch vụ gia công chế biến các sản phẩm gia súc, gia cầm.

1.3 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có chi nhánh là Trung tâm chế biến gia súc gia cầm Đà Nẵng tại khối Đà Sơn, Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư số 200/2014/TT/BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư số 200/2014/TT/BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem Thuyết minh 6.3), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

01/12/2015
CÔNG TY CỔ PHẦN
PROCIMEX VIỆT NAM
01/12/2015

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toánĐối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga tại ngày 31/12/2015.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,..): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga tại ngày 31/12/2015.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2014	Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	21.375 VND/USD	21.425 VND/USD
31/12/2015	Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	22.460 VND/USD	22.540 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư công ty liên doanh liên kết

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 28/6/2014.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Phần mềm kế toán: được ghi nhận ban đầu theo giá mua và toàn bộ chi phí bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Số năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05-35
Máy móc thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải	05-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-05

Tài sản vô hình là phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 5 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty) Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh điện năng, xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	34.019.000	41.877.522
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.100.250.145	602.670.837
Tổng	8.134.269.145	644.548.359

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	13.466.362.403	5.116.361.261
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - CN Đà Nẵng	1.177.730.335	1 041 386 513
Công ty TNHH Minh Phát Cà Mau	11.915.057.868	-
RAS SUPER FRIES CO LTD - JAPAN	217.129.804	-
Công ty Cổ phần Đồng Tổ	-	287 527 648
Các đối tượng khác	156.444.396	5.116.361.261
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Tổng	13.466.362.403	5.116.361.261

5.3 Phải thu khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.085.667.240	1.148.559.310
- Tạm ứng	417.644.341	527.354.903
- Phải thu khác	668.022.899	621.204.407
b) Dài hạn	25.360.000.000	25.360.000.000
- Phải thu dài hạn khác	25.360.000.000	25.360.000.000
<i>Bà Bùi Thị Hòa và người thừa kế tài sản của Ông Nguyễn Điềm</i>	<i>25.360.000.000</i>	<i>25.360.000.000</i>
Tổng	26.445.667.240	26.508.559.310

Theo Bản án phúc thẩm của Tòa án Nhân dân Thành phố Đà Nẵng thì Bà Bùi Thị Hòa (nguyên kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam) và những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất tài sản của ông Nguyễn Điềm (Nguyên Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam đã qua đời) bao gồm bà Đoàn Thị Hoa, ông Nguyễn Duy Tuấn, bà Nguyễn Thị Hoài Linh phải liên đới bồi thường cho Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam số tiền đã biến thủ là 25.360.000.000 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản phải thu này tính đến thời điểm 31/12/2015 là 6.800.000.000 đồng. Trong trường hợp không thu hồi được hoặc chỉ thu hồi được một phần thì kết quả kinh doanh và lợi nhuận chưa phân phối sẽ giảm đi với số tiền tương ứng. Hiện nay, Công ty chưa xác định được mức độ và thời gian có thể thu hồi được số tiền bị biến thủ nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.4 Nợ xấu

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bà Bùi Thị Hòa và người thừa kế tài sản của Ông Nguyễn Đĩnh	25.360.000.000	18.560.000.000	25.360.000.000	18.560.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Số 9 Đà Nẵng	365.777.694	-	365.777.694	-
Công trình Xây dựng cơ bản tại Đà Sơn	100.000.000	-	100.000.000	-
Các đối tượng khác	555.072.573	-	493.157.396	-

Trong đó

	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
	ngày	ngày	ngày	ngày
Bà Bùi Thị Hòa và người thừa kế tài sản của Ông Nguyễn Đĩnh	-	-	-	25.360.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Số 9 Đà Nẵng	-	-	-	365.777.694
Công trình Xây dựng cơ bản tại Đà Sơn	-	-	-	100.000.000
Các đối tượng khác	-	-	-	555.072.573

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	205.241.502	(550.460)	1.517.494.289	(924.628.373)
Công cụ, dụng cụ	2.074.651	-	4.176.600	-
Thành phẩm	-	-	5.384.956.245	-
Hàng hóa	11.534.090	-	-	-
Tổng	218.850.243	(550.460)	6.906.627.134	(924.628.373)



CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.6 Chi phí trả trước

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.113.346.749	735.745.757
Tăng trong năm	700.222.461	1.255.849.849
Phân bổ vào chi phí trong năm	871.478.847	878.248.857
Tại ngày 31 tháng 12	942.090.363	1.113.346.749

Chi tiết chi phí trả trước

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	3.580.654	18.719.844
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.580.654	18.719.844
b) Dài hạn	938.509.709	1.094.626.905
Chi phí sửa chữa phân xưởng	938.509.709	1.094.626.905
Tổng	942.090.363	1.113.346.749

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2015	14.570.022.251	11.087.877.974	865.260.664	26.523.160.889
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	9.312.878.316	9.417.652.887	346.666.000	19.077.197.203
Thanh lý nhượng bán	9.312.878.316	9.417.652.887	346.666.000	19.077.197.203
Số dư tại 31/12/2015	5.257.143.935	1.670.225.087	518.594.664	7.445.963.686
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2015	3.752.529.081	8.770.375.200	722.647.131	13.245.551.412
Tăng trong năm	637.872.937	605.516.573	51.859.466	1.295.248.976
Khấu hao trong năm	637.872.937	605.516.573	51.859.466	1.295.248.976
Giảm trong năm	2.221.688.270	8.935.731.548	346.666.000	11.504.085.818
Thanh lý nhượng bán	2.221.688.270	8.935.731.548	346.666.000	11.504.085.818
Số dư tại 31/12/2015	2.168.713.748	440.160.225	427.840.597	3.036.714.570
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2015	10.817.493.170	2.317.502.774	142.613.533	13.277.609.477
Tại ngày 31/12/2015	3.088.430.187	1.230.064.862	90.754.067	4.409.249.116

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.8 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm kế toán	Tài sản khác	Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2015	71.000.000	2.837.262.814	2.908.262.814
Điều chỉnh giảm	-	2.837.262.814	-
Giảm khác	-	2.837.262.814	-
Số dư tại 31/12/2015	71.000.000	-	71.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2015	47.750.000	2.571.269.427	2.619.019.427
Khấu hao trong năm	7.750.000	265.993.387	273.743.387
Giảm khác	-	2.837.262.814	2.837.262.814
Số dư tại 31/12/2015	55.500.000	-	55.500.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2015	23.250.000	265.993.387	289.243.387
Số dư tại 31/12/2015	15.500.000	-	15.500.000

5.9 Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết

Tên Công ty	31/12/2015 (VND)		01/01/2015(VND)	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ	2.000.000.000	859.400.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng	2.000.000.000	859.400.000	2.000.000.000	2.000.000.000

Công ty đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ với số tiền là 2.000.000.000 đồng, chiếm 25% Vốn điều lệ của bên nhận đầu tư. Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ có trụ sở tại Huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị và hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất, kinh doanh các loại bao bì giấy và gạch ốp lát.

5.10 Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước

	01/01/2015 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015 VND
Phải nộp	1.027.099.883	3.401.622.842	2.549.677.860	1.879.044.865
Thuế Giá trị gia tăng	272.622.566	2.118.156.714	1.319.019.989	1.071.759.291
Thuế thu nhập doanh nghiệp	754.477.317	1.216.043.313	1.178.074.860	792.445.770
Thuế thu nhập cá nhân		62.726.265	47.886.461	14.839.804
Các loại thuế khác		4.696.550	4.696.550	-
Phải thu	891.824	891.824	-	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	724.324	724.324	-	-
Các khoản khác phải thu nhà nước	167.500	167.500	-	-
Số thuế (phải thu)/phải trả	1.026.208.059	3.400.731.018	2.549.677.860	1.879.044.865

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	409.043.472	1.817.837.551
Tiền thuê đất	-	1.129.000.000
Chi phí cầm mốc định vị tại Đà Sơn	38.318.475	38.318.475
Chi phí phải trả khác	370.724.997	650.519.076
b) Dài hạn	-	-
Tổng	409.043.472	1.817.837.551

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	263.674.398	2.169.835.635
Kinh phí công đoàn	7.768.822	231.702.811
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	45.780.710	39.991.770
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	1.690.700.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	210.124.866	207.441.054
b) Dài hạn	-	-
Tổng	263.674.398	2.169.835.635

5.13 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	30.000.000.000	6.826.797.055	1.749.315.022	38.576.112.077
Tăng trong năm	-	-	2.895.166.489	2.895.166.489
Lãi trong năm	-	-	2.895.166.489	2.895.166.489
Giảm trong năm	-	-	1.749.257.022	1.749.257.022
Trả cổ tức năm 2013	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	249.257.022	249.257.022
Số dư tại 31/12/2014	<u>30.000.000.000</u>	<u>6.826.797.055</u>	<u>2.895.224.489</u>	<u>39.722.021.544</u>
Số dư tại 01/01/2015	30.000.000.000	6.826.797.055	2.895.224.489	39.722.021.544
Tăng trong năm	-	-	2.796.416.975	2.796.416.975
Lãi trong năm	-	-	2.796.416.975	2.796.416.975
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	<u>30.000.000.000</u>	<u>6.826.797.055</u>	<u>5.691.641.464</u>	<u>42.518.438.519</u>

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận kinh doanh, Vốn điều lệ của Công ty là: 30.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Vốn điều lệ được chủ sở hữu góp đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

5.14 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
a) Doanh thu	43.705.577.559	59.633.808.639
Doanh thu bán hàng	29.015.932.639	44.331.622.304
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.689.644.920	15.302.186.335
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	43.705.577.559	59.633.808.639

5.15 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	24.401.220.193	42.367.105.895
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.764.953.392	7.022.052.531
Tổng	29.166.173.585	49.389.158.426

5.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.468.586	5.843.863
Lãi chênh lệch tỷ giá	204.889.547	149.092.845
Tổng	220.358.133	154.936.708

5.17 Chi phí tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	5.632.107	313.666.307
Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.747.716	129.541.134
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.140.600.000	-
Tổng	1.160.979.823	443.207.441

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.18 Chi phí bán hàng

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên	177.329.165	12.926.470
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	83.320.726	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.036.697.918	1.679.912.076
Chi phí bằng tiền khác	372.318.528	197.177.359
Tổng	1.669.666.337	1.890.015.905

5.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.388.999.491	3.375.222.522
Chi phí đồ dùng văn phòng	50.086.704	34.152.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	169.073.510	59.609.466
Thuế phí và lệ phí	53.198.018	154.294.605
Chi phí dự phòng	61.915.177	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	402.878.867	430.017.988
Chi phí bằng tiền khác	4.711.946.909	1.484.685.364
Tổng	8.838.098.676	5.537.982.445

5.20 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.046.751.318	-
	364.529.047	-
Phí lưu kho, cấp đông, sử dụng cơ sở hạ tầng		
Thu lại phí tiền điện và xử lý rác thải	327.548.849	113.343.126
Thu hồi công nợ phải trả	-	1.024.755.893
Các khoản khác	122.991.883	460.723.612
Tổng	2.861.821.097	1.598.822.631
<i>Chi phí khác</i>		
Phạt chậm nộp tiền thuê đất	1.039.168.104	-
Chuyển nộp tiền phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường theo QĐ số 6021/QĐXPVPHC ngày 19/08/2015	301.600.000	-
Chi phí tiền điện	317.948.448	178.103.673
Chi phí khác	281.661.528	199.456.282
Tổng	1.940.378.080	377.559.955
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	921.443.017	1.221.262.676

5.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.012.460.288	3.749.643.806
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>1.515.009.317</i>	<i>134.344.000</i>
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	<i>1.515.009.317</i>	<i>134.344.000</i>
Thu nhập tính thuế	5.527.469.605	3.883.987.806
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	22%	22%
Thuế TNDN hiện hành	1.216.043.313	854.477.317

5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.796.416.975	2.895.166.489
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.796.416.975	2.895.166.489
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	932	965



CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	2015	2014
	VND	VND
Thù lao HĐQT, BKS và thu nhập BGĐ	306.000.000	391.234.000

6.2 Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 2 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh thủy sản và dịch vụ giết mổ gia súc, gia cầm.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh			Tổng
	thủy sản	Dịch vụ giết mổ	Khác	
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	-	4.424.749.116	-	4.424.749.116
Các khoản phải thu	32.151.199.376	-	-	32.151.199.376
Hàng tồn kho	218.299.783	-	-	218.299.783
Tài sản không thể phân bổ	9.935.759.508	-	-	9.935.759.508
Tổng	42.305.258.667	4.424.749.116	-	46.730.007.783
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	4.211.569.264	-	-	4.211.569.264
Phải trả tiền vay	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng	4.211.569.264	-	-	4.211.569.264

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh			Tổng
	thủy sản	Dịch vụ giết mổ	Khác	
DOANH THU				
Tổng doanh thu	29.015.932.639	14.689.644.920	-	43.705.577.559
Tổng	29.015.932.639	14.689.644.920	-	43.705.577.559
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	(3.163.052.087)	6.033.711.225	-	2.870.659.138
Thu từ hoạt động tài chính	-	-	220.358.133	220.358.133
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	921.443.017	921.443.017
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(1.216.043.313)
Tổng	(3.163.052.087)	6.033.711.225	1.141.801.150	2.796.416.975

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01 tháng 01 năm 2015***Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh thủy sản	Dịch vụ giết mổ	Khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	8.571.180.727	4.995.672.137	-	13.566.852.864
Các khoản phải thu	23.553.726.370	-	-	23.553.726.370
Hàng tồn kho	6.906.627.134	-	-	6.906.627.134
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	3.757.834.910
Tổng	39.031.534.231	4.995.672.137	-	47.785.041.278
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	3.693.335.440	-	-	3.693.335.440
Phải trả tiền vay	940.500.000	-	-	940.500.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	3.429.184.294
Tổng	4.633.835.440	-	-	8.063.019.734

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh thủy sản	Dịch vụ giết mổ	Khác	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	47.350.020.828	12.283.787.811	-	59.633.808.639
Tổng	47.350.020.828	12.283.787.811	-	59.633.808.639
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	(2.684.224.914)	5.057.669.336	-	2.373.444.422
Thu từ hoạt động tài chính			154.936.708	154.936.708
Thu nhập khác không liên quan	-	-	1.221.262.676	1.221.262.676
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(854.477.317)
Tổng	(2.684.224.914)	5.057.669.336	1.376.199.384	2.895.166.489

6.3 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tuy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.134.269.145	644.548.359
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.673.535.035	23.333.725.670
Tổng	39.807.804.180	23.978.274.029
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	940.500.000
Phải trả người bán và phải trả khác	266.264.398	2.245.036.540
Chi phí phải trả	409.043.472	1.817.837.551
Tổng	675.307.870	5.003.374.091

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền, công nợ phải thu và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Tên đối tượng	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Đô la Mỹ (USD)			8.161.576.506	276.604.776
Tổng	-	-	8.161.576.506	276.604.776

Khi tỷ giá biến động tăng/giảm 10% thì tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ giảm/tăng 788 triệu đồng.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư ... Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	266.264.398	-	266.264.398
Chi phí phải trả	409.043.472	-	409.043.472
Tổng	675.307.870	-	675.307.870
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2015			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	2.245.036.540	-	2.245.036.540
Chi phí phải trả	1.817.837.551	-	1.817.837.551
Các khoản vay	940.500.000	-	940.500.000
Tổng	5.003.374.091	-	5.003.374.091

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.134.269.145	-	8.134.269.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.113.535.035	18.560.000.000	31.673.535.035
Tổng	21.247.804.180	18.560.000.000	39.807.804.180
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	644.548.359	-	644.548.359
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.773.725.670	18.560.000.000	23.333.725.670
Tổng	5.418.274.029	18.560.000.000	23.978.274.029

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.4 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh của các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lấy từ các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia VIA (nay đổi tên thành Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM) với ý kiến kiểm toán có dạng ngoại trừ

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư số 200/2014/TT/BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 như sau:

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2015	Tại ngày 01/01/2015	Chênh lệch
	Theo Thông tư 200 VND	Theo Quyết Định 15 VND	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
A. Phần Tài sản			
Phải thu ngắn hạn khác	1.148.559.310	25.976.299.499	24.827.740.189
Tài sản ngắn hạn khác	-	532.259.811	532.259.811
Phải thu dài hạn khác	25.360.000.000	-	(25.360.000.000)
Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn	(958.935.090)	(7.758.935.090)	(6.800.000.000)
Dự phòng phải thu khó đòi dài hạn	(6.800.000.000)	-	6.800.000.000
B. Phần Nguồn vốn			
Quỹ đầu tư phát triển	6.826.797.055	6.225.521.469	(601.275.586)
Quỹ dự phòng tài chính	-	601.275.586	601.275.586

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thúy Nga

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Dũng